

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2023.

V/v “Ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

2- Bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn số: 149/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Võ Thị D, sinh ngày 01/01/1975.

2- Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh ngày 01/ 01/1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C chung sống với nhau vào năm 1994, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thời gian gần đây anh Phạm Văn C còn thường xuyên ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ không hay xúc phạm chị và còn đánh đập chị không có lý do nên cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh C không còn hạnh phúc, từ đó vợ chồng

đã ly thân hơn 03 tháng nay. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn C có 02 người con chung tên Phạm Thị Kim T, sinh ngày 20/02/1995 và Phạm Chí Th, sinh ngày 14/4/2006. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu Phạm Chí Th và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Phạm Thị Kim T đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị thừa nhận không có thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bị đơn anh Phạm Văn C trình bày như sau: Anh thừa nhận theo lời trình bày của chị Võ Thị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung nêu trên là đúng hoàn toàn.

Còn về mâu thuẫn là chưa đúng vợ chồng sống hạnh phúc từ khi cưới cho đến đến năm 2023, thời gian cách nay 03 tháng thì do vợ anh có dẫn người bạn nam về nhà chơi nhưng anh không đồng ý từ đó vợ chồng cự cãi với nhau và chị D ly thân với anh hơn 03 tháng nay.

Nay theo yêu cầu của Võ Thị D, thì anh có ý kiến như sau:

Về quan hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Võ Thị D, do anh còn thương chị D.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý giao con Phạm Chí Th, sinh ngày 14/4/2006 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Còn Phạm Thị Kim T, sinh ngày 20/02/1995 hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh thừa nhận vợ chồng không có nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Võ Thị D giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn C vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C là giao cháu Phạm Chí Th, sinh ngày 14/4/2006 (theo nguyện vọng của cháu Th) cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Phạm Thị Kim T hiện nay đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị D và anh C tự thỏa thuận mà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị D và anh C thừa nhận không nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Phạm Văn C được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn C.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau vào năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh C không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C là giao cháu Phạm Chí Th, sinh ngày 14/4/2006 (theo nguyện vọng của cháu Th) cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Phạm Thị Kim T, sinh ngày 20/02/1995 hiện đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị D và anh C thừa nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị D phải chịu tiền án phí 300.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C là giao cháu Phạm Chí Th, sinh ngày 14/4/2006 (theo nguyện vọng của cháu Th) cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Phạm Thị Kim T, sinh ngày 20/02/1995 hiện đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị D và anh C có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị D và anh Phạm Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D và anh C thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị D phải chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0008816 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị D đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị D biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2023). Đối với anh C vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm